

Bản án số: 578/2023/HSST

Ngày: 11 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trục

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần T4 Tính;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Mai Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 924/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5423/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Thị Thu H; giới tính: nữ; sinh ngày 14 tháng 4 năm 1977, tại H Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 108/16 đường số O, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Bình An; con ông: Bùi Văn Q và bà: Đào Thị Q1; chồng: Phạm Quang C (chết) và 01 người con (sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2022 – có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Các ông Nguyễn Văn Hạnh và Nguyễn Mạnh Hiến - Luật sư, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Ngô Văn T, sinh năm 1978; nơi cư trú: X Cao Đức Lân, phường A, Quận W, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt;

- Ông Nguyễn Thế A, sinh năm 1981; nơi cư trú: Chung cư H, số 200 đường B, phường M, Quận O, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 0h50 phút, ngày 27/11/2014, Phòng Cảnh sát kinh tế phối hợp với Đội Cảnh sát giao thông Tân Sơn Nhất, Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra xe đầu kéo biển số 51C-332.96, số rơ moóc 51R - 04972 do lái xe Phạm Văn H1 điều khiển đang vận chuyển container số BMOU4535609 có chứa hàng hóa không có nguồn gốc, không xuất trình được chứng từ hợp lệ hàng hóa nên Quyết định tạm giữ phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành C3 và lập Biên bản vụ việc.

Ngày 02/12/2014, Phòng Cảnh sát kinh tế tiến hành lập Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành C3, kiểm tra thực tế hàng hóa trong Container trên tại kho số 253 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh có sự chứng kiến của Bùi Thị Thu H (Giám đốc Công ty TNHH HP X, sau đây viết tắt là Công ty A), tài xế Phạm Văn H1 cùng với hai công chức H quan Ngô Văn T và Nguyễn Thế A. Kết quả kiểm tra hàng hóa thực tế trong container BMOU4535609 có: 149 cái máy giặt gồm các nhãn hiệu Hatachi, National, Toshiba, Panasonic, Sanyo, Sharp đã qua sử dụng và không có mặt hàng máy khâu, máy nén khí... như nội dung thể hiện trên Tờ khai nhập khẩu của Công ty A tại cơ quan H quan. Ngày 03/12/2014, Phòng Cảnh sát kinh tế đã ra Quyết định tạm giữ tang vật và lập Biên bản tạm giữ tang vật đối với số hàng hóa vi phạm và được bảo quản tại kho tang vật của Sở Tài C3 Thành phố Hồ Chí Minh.

Toàn bộ hàng hóa vi phạm bị phát hiện thu giữ nêu trên là hàng hóa thuộc danh mục cấm nhập khẩu theo Phụ lục 1 Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của C3 Phủ. Tại kết luận định giá ngày 12/10/2015 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: tại thời điểm nhập tháng 12/2014 trị giá 1.238.227.273 đồng (chưa bao gồm VAT 10%).

Ngày 17/3/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, ngày 15/7/2016 ra Quyết định khởi tố bị can đối với Bùi Thị Thu H về tội “Buôn lậu”, theo Điều 153 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, do bị cáo bỏ trốn khỏi nơi cư trú, nên ngày 22/8/2016, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với H và ngày 17/3/2017 ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Bùi Thị Thu H. Đến ngày 15/6/2022, Bùi Thị Thu H bị bắt theo lệnh truy nã để xử lý.

Kết quả điều tra xác định: Công ty A có mã số doanh nghiệp: 0312681435, đăng ký lần đầu ngày 10/3/2014, do ông Đặng Hữu M (là Giám đốc), trụ sở tại: 20/101 Đường F, khu phố B, phường H, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Đăng ký thay đổi lần 1 vào ngày 03/6/2014 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11/7/2014, đều do Bùi Thị Thu H (đứng tên làm Giám đốc), trụ sở tại: 8/24G, Đường số H, Phường G, Quận V, thành phố Hồ Chí Minh. Đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 12/6/2015 (do Chu Thị Bình M đứng tên giám đốc), trụ sở tại: 5/101/6/32 L, Phường G, quận V, TP. Hồ Chí Minh. Ngành nghề kinh doanh: nhiều lĩnh vực

khác nhau, trong đó có buôn bán máy móc, thiết bị công nghiệp, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng Thời điểm ký hợp đồng ngoại T8 và làm thủ tục nhập khẩu lô Hàng nêu trên về Việt Nam, do Bùi Thị Thu H là người đang đứng tên đại diện pháp nhân Công ty A ký tên trên hồ sơ, thể hiện:

Ngày 09/10/2014, Bùi Thị Thu H, Giám đốc đại diện Công ty A ký Hợp đồng ngoại T8 số 1011CA mua bán máy móc sử dụng trong công nghiệp các loại (đã qua sử dụng) với Công ty Tsubaki International Co., LTD, địa chỉ 2276 Hata Moji Kitakyushu City-Fukuoka Japan (Nhật Bản), gồm: 20 cái máy nén khí dụng điện Hitachi, Kobelco; 40 cái đầu máy khâu công nghiệp Singe, Juki; 50 cái máy cắt cỏ cầm tay dùng xăng Echo, Robin, Komatsu; 37 cái máy mở vỏ xe dùng điện không nhãn hiệu; 02 cái máy tiện kim loại dùng điện không hiệu (tất cả là Hàng đã qua sử dụng) có tổng số tiền 6.420 USD. Ngày 26/11/2014, Công ty A làm thủ tục khai báo điện tử đăng ký mở Tờ khai Hàng hóa nhập khẩu số 100216000620, tại Chi Cục H quan Cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 1, Hàng hóa nhập khẩu theo vận đơn SITYKSG1427216, hóa đơn A-1011CA, trị giá 6.420USD, trọng lượng 15.000kg, chứa trong container số BMOU 4535609, số seal hãng tàu: SITR677713, tiền thuế nộp vào ngân sách nhà nước 16.970.243 đồng (theo giấy nộp tiền số 7765447 ngày 26/11/2014). Chiều cùng ngày 26/11/2014, Chi Cục H quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn KV1 đã cho thông quan Tờ khai Hàng hóa nhập khẩu chuyển kiểm hóa 10% thực tế Hàng hóa do các công chức H quan Ngô Văn T và Nguyễn Thế A thực hiện.

Khoảng 1 giờ, ngày 27/11/2014, xe đầu kéo biển số 51C-332.96, số rơ móc 51R - 04972 do lái xe Phạm Văn H1 điều khiển đang vận chuyển container số BMOU4535609 từ cảng Cát Lái đến kho 18A Cộng Hoà, quận Tân Bình thì bị Cơ quan công an kiểm tra phát hiện và tạm giữ Hàng hóa sai phạm như nêu trên.

- Xác minh tại Chi Cục H quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 1 xác nhận: Container BMOU4535609 được Công ty A mở Tờ khai nhập khẩu Hàng hóa số 100216000620 ngày 26/11/2014, Hàng hóa khai báo trên tờ khai là máy móc, thiết bị các loại đã qua sử dụng. Tờ khai được hệ thống thông quan điện tử phân luồng kiểm tra thực tế Hàng hóa, mã phân loại kiểm tra là 3 (luồng đỏ), được phê duyệt tỷ lệ kiểm tra và phân công chức H quan Ngô Văn T, Nguyễn Thế A kiểm tra thực tế 10%, được thông quan qua hệ thống thông quan điện tử VCIS; Công chức được phân công pH thực hiện cập nhật kết quả vào hệ thống VCIS theo quy định tại điểm d1, khoản 2, Điều 14, Thông tư số 22/2014/TT-BTC ngày 14/12/2014 của Bộ Tài C3 và Quy trình thủ tục H quan điện tử đối với Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu T8 mại ban Hành theo Quyết định số 988/QĐ-TCHQ ngày 28/3/2014 của Tổng Cục H quan, việc cập nhật kết quả kiểm tra Hàng thực tế đã được công chức kiểm tra theo đúng quy định, hệ thống điện tử chỉ cho phép sử dụng tên một công chức để cập nhật kết quả là Ngô Văn T. Công ty A đã đưa Hàng đến địa điểm kiểm tra, việc công chức H quan đã kiểm tra lô Hàng theo tỷ lệ; việc cắt seal, xuất trình Hàng hóa là trách nhiệm của doanh nghiệp; công chức H quan cập nhật kết quả kiểm tra thực tế vào hệ thống thông quan điện tử nên không có phiếu đề nghị kiểm tra thực tế và biên bản chứng nhận việc kiểm tra. Hàng hóa được kiểm tra thực tế đủ điều kiện thông

quan, cơ quan H quan không thực hiện niêm phong và cũng không giao seal cho doanh nghiệp; khi tờ khai được hệ thống thông quan, doanh nghiệp tự in tờ khai và làm thủ tục đưa Hàng ra khỏi cảng. Cơ quan H quan cung cấp hợp đồng ngoại (bản C3) số 1011CA mua bán Hàng hóa với Công ty Tsubaki International (Nhật Bản), giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 26/11/2014, Công văn của Công ty A gửi Cục H quan Thành phố ngày 26/11/2014 có chữ ký của Bùi Thị Thu H và đóng dấu của Công ty A.

Tại thời điểm Công ty A mở tờ khai nhập khẩu Hàng hóa lô Hàng nêu trên, thì trước đó Công ty A đã từng đăng ký mở 148 tờ khai nhập khẩu, trong đó có 05 tờ khai chưa hoàn thành thủ tục thông quan.

Kết quả kiểm tra thông tin chi tiết lưu trữ trên hệ thống phần mềm H quan điện tử VNACCS/VCIS, người kiểm tra hồ sơ là Lê Thị Phương L, tên người kiểm tra thực tế Hàng hóa là Ngô Văn T, công chức H quan kiểm tra thực tế xác nhận “...Hàng nhập khẩu đã được kiểm tra theo tỷ lệ đúng với khai báo của người khai H quan...”.

- Xác minh tại Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn xác nhận: thì Container BMOU4535609 số seal SITR677713 nhập từ tàu Hyundai Harmony-1422S vào bãi T4 tâm Cát Lái ngày 20/11/2014, vị trí M08, vị trí M08 không thể mở Hàng kiểm tra vì tại tầng 4, do không đảm bảo an toàn; chủ Hàng không đăng ký cắt seal, vị trí container được giữ nguyên từ khi cập cảng đến khi giao khách Hàng theo thủ tục lấy nguyên container, lúc 23 giờ 56 phút ngày 26/11/2014 container được xe đầu kéo mang biển số 51C-332.96. Ngày 18/8/2022, Tổng Công ty Tân Cảng xác định do thời gian đã lâu, nên hình ảnh lưu trữ vị trí container trên, cũng như các chứng từ hồ sơ liên quan đến đại diện Công ty A thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký cắt seal, giấy giới thiệu, phiếu yêu cầu cắt bấm seal....cảng không còn lưu trữ.

- Kết quả thu thập tại hãng tàu, Công ty TNHH SITC Việt Nam xác nhận: Container BMOU4535609 theo vận đơn số SITYSG1427216 vào ngày 17/11/2014 đã thông báo Hàng đến gửi vào địa chỉ email loccuong08@yahoo.com.vn và huyenphuonganh07@yahoo.com.vn, ngày 19/11/2014 Lê Đình T5 sử dụng giấy giới thiệu của Công ty A do Bùi Thị Thu H ký đến nhận lệnh giao Hàng.

- Cục điều tra chống buôn lậu, Tổng Cục H quan xác định: thời gian khởi tạo (gửi-nhận) của tờ khai H quan điện tử số 100216000620 ngày 26/11/2014 của Công ty A vào lúc 09 giờ 01 phút ngày 26/11/2014, hệ thống VNACCS/VCIS không lưu lại thông tin này khi doanh nghiệp đăng ký tờ khai, nên không xác định được địa chỉ IP gửi tờ khai H quan này.

- Xác minh tại cơ quan thuế: Công ty A đăng ký chuyển cơ quan quản lý thuế từ Chi Cục thuế quận Gò Vấp, sang Chi Cục thuế quận Bình Thạnh. Ngày 21/3/2016, Chi Cục thuế quận Bình Thạnh ra Thông báo số 882/CCT/TB-BKD về việc cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh mang theo hóa đơn. Công ty không nộp tờ khai thuế tại Chi Cục thuế quận Bình Thạnh, về tài khoản và Ngân Hàng giao dịch: Công ty A không đăng ký thông tin của người nộp thuế.

- Cục đường bộ Việt Nam xác định: không thể cung cấp dữ liệu Hành trình

của xe đầu kéo biển số 51C-332.96 trong ngày 26/11/2014 do hệ thống xử lý và khai thác dữ liệu từ thiết bị GSHT của Cục đường bộ Việt Nam bắt đầu hoạt động từ năm 2019.

- Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: địa chỉ email loccuong08@yahoo.com.vn và huyenphuonganh07@yahoo.com.vn sử dụng tên miền yahoo.com.vn hiện doanh nghiệp quản lý tên miền không có văn phòng đại diện tại Việt Nam. Do đó không cung cấp được thông tin cá nhân đối với địa chỉ thư điện tử email theo yêu cầu.

- T4 tâm kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: hệ thống không quản lý thông tin số điện thoại 62739045.

Kết quả điều tra ban đầu Bùi Thị Thu H khai nhận: Ngày 18/11/2014 có người đàn ông (không rõ lai lịch) nhờ H sử dụng tên pháp nhân của Công ty Adde nhập khẩu giúp 01 container 40 feet, mặt Hàng là máy nén khí, đầu máy khâu, máy tiện, máy mở vỏ xe, máy cắt cỏ tất cả là Hàng đã qua sử dụng, được đóng trong container số BMOU4535609. H đồng ý nhập với giá 30.000.000 đồng (bao gồm chi phí làm thủ tục nhập khẩu, chi phí vận chuyển và tiền thuế nhập khẩu). Người đàn ông này đã thanh toán trực tiếp cho H bằng tiền mặt và đưa 01 bản hợp đồng số 1011 CA ngày 09/10/2014, thể hiện 05 mặt Hàng. Việc thỏa thuận nhập khẩu và thanh toán chi phí giữa H và người đàn ông chỉ bằng miệng (không lập chứng từ). Sau đó H gặp người thanh niên (không rõ lai lịch) thỏa thuận làm thủ tục H quan nhập khẩu 01 container Hàng hóa trên cho H với giá 26.000.000 đồng (bao gồm tiền công làm dịch vụ, tiền thuế nhập khẩu và tiền vận chuyển). H chỉ đưa cho người thanh niên 01 bản hợp đồng số 1011 CA ngày 09/10/2014 (việc giao dịch thanh toán bằng miệng không có tài liệu). Đến sáng 27/11/2014, H đến cảng Cát Lái gặp người thanh niên để nhận Hàng thì được báo là container BMOU 4535609 đã bị cơ quan công an bắt giữ, sau đó người thanh niên giao cho H bộ hồ sơ làm thủ tục H quan gồm: Tờ khai nhập khẩu Hàng hóa số 100216000620 ngày 26/11/2014, giấy nộp tiền vào ngân sách NH nước số 6665447, hợp đồng mua bán, invoice, packing list số 101 ICA.

Sau khi phục hồi điều tra vụ án, Bùi Thị Thu H khai nhận: được Ngô Duy C3 (là bạn của chồng H), ngụ tại số 48/12 Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh thuê H đứng tên làm giám đốc cho Công ty A, để có pháp nhân nhập khẩu Hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam. Mọi hoạt động kinh doanh nhập khẩu của Công ty A đều do C3 điều hành, H không rõ về các loại Hàng hóa nhập khẩu, hình thức thanh toán tiền Hàng với đối tác nước ngoài. Thỉnh thoảng H cùng chồng đến gặp C3 tại quận Bình Thạnh (không rõ địa chỉ) và ký các giấy tờ liên quan đến Công ty A yêu cầu của C3, được hưởng tiền công 6.000.000 đồng/tháng. Con dấu tròn của công ty, cũng như chữ ký số dùng để khai báo thuế, khai báo tờ khai H quan do C3 cất giữ. H không biết ai là người làm thủ tục mở Tờ khai H quan Hàng hóa nhập khẩu, thuê xe vận chuyển container Hàng ra khỏi cảng ngày 26/11/2014; không biết số tài khoản ngân hàng đứng tên Công ty A. Việc thực hiện khai báo thuế doanh nghiệp, thuế nhập khẩu Hàng hóa, mở tờ khai Hàng hóa nhập khẩu do người nào làm hồ sơ, nộp thuế thì H không rõ và không biết C3 giao cho ai làm. Tuy nhiên, về thủ tục

với cơ quan thuế, khi C3 yêu cầu ký tên thì H đều thực hiện.

Đối với các tài liệu thu thập được tại Chi cục H quan cửa khẩu cảng Sài Gòn KV1, bao gồm: Hợp đồng số 1011 CA ngày 09/10/2014 của Công ty Avà Công ty TSubaki international (Nhật Bản); Công văn ngày 26/11/2014 của Công ty Gửi Cục H quan Thành phố Hồ Chí Minh H xác nhận do H ký tên, đóng dấu. Ngoài khai nhận như trên, H không cung cấp được thông tin, tài liệu chứng cứ, chứng minh nào khác liên quan đến việc làm thuê và C3 là người chỉ đạo, điều Hành Công ty An.

Điều tra ban đầu Phạm Văn H1(lái xe cho Công ty TNHH Cường S), khai nhận: Ngày 26/11/2014, H1 được sự điều động của ông Vũ Văn T6 là nhân viên điều Hành xe của Công ty Cường S yêu cầu H1 vào cảng Cát Lái nhận container BMOU4535609 vận chuyển giao cho anh K (không rõ họ tên), tại kho 18A Cộng Hòa, quận Tân Bình. Cùng ngày Phạm Văn H1 điều khiển ô tô đầu kéo, biển kiểm soát số 51C-332.96, rơ móc biển kiểm soát 51R- 049.72 cùng Dương Văn N (phụ xe) nhận và vận chuyển container số BMOU4535609, số seal VNS58039 của Công ty A ra khỏi Cảng Cát Lái lúc 23h56 phút; đi theo tuyến đường: Từ Cảng Cát Lái ra đường Lê Phụng Hiếu - Nguyễn Thị Định - Đồng Văn Cống - Mai Chí Thọ - xa lộ H Nội qua cầu Sài Gòn vào đường Võ Thị Sáu - Nam Kỳ Khởi Nghĩa qua công viên Hoàng Văn Thụ vào đường Cộng Hòa để về kho 18A Cộng Hòa, quận Tân Bình. Khi đến khu Công viên Hoàng Văn Thụ vào đường Cộng Hòa lúc 00 giờ 30 ngày 27/11/2014, thì bị Cơ quan Công an kiểm tra và lập biên bản như trên.

Sau khi phục hồi điều tra vụ án, Phạm Văn H1 khai nhận: khi làm thủ tục nhận Container H1 có đối chiếu số seal (số chì) thực tế trên Container khi nhận vận chuyển không trùng với số seal (chì) trên Lệnh giao Hàng do Vũ Văn T6 giao, H1 đã gọi điện báo cho T3 biết. Sau đó, T3 gọi điện lại báo chủ Hàng là Công ty A đồng ý cho đi, vì vậy H1 thực hiện việc vận chuyển Container ra khỏi cảng giao cho khách theo yêu cầu. Khi Công an kiểm tra vẫn còn seal như khi nhận Hàng ở cảng, quá trình vận chuyển cho đến khi Công an yêu cầu dừng xe, không dừng đỗ xe dọc đường, không mở Container, không thay đổi Hàng hóa bên trong.

Dương Văn N (phụ xe) khai: cùng Phạm Văn H1 tham gia vận chuyển Container số BMOU4535609 tại Cảng Cát Lái để đưa về kho của quân đội trên đường Cộng Hòa. Đồng thời, Ninh cho biết quá trình vận chuyển Container BMDU4535609 không dừng xe lại bất cứ nơi nào để bốc dỡ Hàng hóa, Container vẫn còn nguyên Seal số VNS58039 khi nhận vận chuyển. Lời khai của N phù hợp với các nội dung lái xe H khai báo.

Vũ Văn T6 (nhân viên điều độ xe Công ty TNHH Cường Sơn), khai: từ năm 2004 đến năm 2017 là nhân viên tài xế, điều động xe của Công ty Cường S, Công ty do ông Mai Hữu C làm Giám đốc, chuyên nhận vận chuyển Hàng hóa theo yêu cầu của khách Hàng và có ký kết hợp đồng dịch vụ vận chuyển, thu tiền của khách Hàng, sau đó ông C trực tiếp đưa danh sách thông tin, thời gian kéo các Container ở các cảng, điểm khách yêu cầu chuyển đến để T4 điều động xe và lái xe thực hiện vận chuyển Hàng hóa theo hợp đồng dịch vụ. Tuy nhiên,

việc T4 điều động lái xe Phạm Văn H1 điều khiển xe biển số 51C 33296 vào Cảng Cát Lái để vận chuyển Container Hàng hóa số BMOU4535609, theo Tờ khai H quan số 100216000620 ngày 26/11/2014, của Công ty A, là không đúng quy trình nhận vận chuyển của Công ty Cường S; Do T4 tự thỏa thuận nhận vận chuyển riêng cho anh T5 (tên thật là Phan Huỳnh Anh T5) là người quen cùng làm dịch vụ vận chuyển tại cảng, sau khi giao trả Container xong thì sẽ được thanh toán tiền công là 2.500.000 đồng. Sau khi phục hồi điều tra, T4 khai phù hợp lời khai của Phạm Văn H1, Dương Văn N về việc nhận vận chuyển Container BMOU 4535609 nêu trên, không rõ về số Hàng hóa bên trong Container bị thu giữ và vi phạm của chủ Hàng.

Ông Mai Hữu C Giám đốc Công ty TNHH Cường S, khai: Xe ô tô đầu kéo, biển kiểm soát số 51C-332.96, rơ móc biển kiểm soát 51R- 049.72 đứng tên Công ty Cường S, hiện nay công ty vẫn đang sử dụng phương tiện trên để thực hiện hợp đồng dịch vụ vận chuyển cho khách Hàng. Lời khai của ông C trình bày về việc vận chuyển container trên phù hợp lời khai của Vũ Văn T4.

Phan Huỳnh Anh T5 khai: từ năm 2012 đến năm 2016, là nhân viên điều xe của Công ty TNHH vận tải Minh Đ, thường vận chuyển Hàng hóa tại cảng Cát Lái. T5 không làm việc, không quen biết ai và không rõ ai làm giám đốc, điều hành công việc Công ty A. T5 quen biết với Trịnh Văn H là người chuyên nhận làm dịch vụ tại khu vực cảng, như giao nhận Container Hàng hóa, làm thủ tục cắt seal... khoảng tháng 11/2014, H có nhờ T4 vận chuyển 01 Container Hàng hóa nhập khẩu của Công ty A từ Cảng Cát Lái về địa chỉ quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh, giao cho người tên K (không biết họ tên, H có cung cấp số điện thoại của K, nhưng đến nay không còn lưu giữ và không liên lạc). Sau đó, T5 đã thuê lại anh Vũ Văn T6 (là người cùng làm dịch vụ vận chuyển tại Cảng Cát Lái cho Công ty Cường S), vận chuyển Container trên, nhưng sau đó Hàng hóa bị Cơ quan Công an bắt giữ. T5 không nhớ cụ thể Hàng hóa vận chuyển là mặt Hàng gì, không xác định được vị trí bãi để Container, chỉ biết trong khu vực cảng Cát Lái; khi nhận vận chuyển không thực hiện đối chiếu thông tin số Seal trên Phiếu giao nhận Hàng với số Seal thực tế trên Container. Đồng thời, T5 cho biết không quen biết anh K, cũng không gặp mặt K trước đó, số điện thoại của K (không nhớ) do H cung cấp và gửi cho tài xế nhận vận chuyển để chủ động liên hệ giao nhận Hàng hóa. Không đại diện cho Công ty A chứng kiến công chức H quan kiểm hóa lô Hàng, không biết ai niêm phong lô Hàng.

Trịnh Văn H (hiện đang cải tạo tại Trại giam Z30D, do trước đó có Hành vi Buôn lậu và Vận chuyển trái phép Hàng hóa qua biên giới), khai: từ năm 2014, thường xuyên làm dịch vụ nhập khẩu tại khu vực Cảng Cát Lái, như: nhận dịch vụ đóng thuế nhập khẩu, lấy lệnh giao Hàng từ hãng tàu, lấy lệnh giao Container từ Cảng vụ Cảng Cát Lái (Phiếu E), in phiếu E - giao nhận Container, lấy cước Container, gia hạn Lệnh xuất Container, làm các thủ tục cắt Seal... Tất cả những công việc trên H nhận làm thuê theo yêu cầu của nhiều người khác nhau. H có nhận một số tờ khai, hồ sơ nhập khẩu của Công ty A để làm dịch vụ nhận Hàng hóa là các Container từ cảng Cát Lái về kho theo yêu cầu của Đào Văn D, trong đó có Tờ khai H quan số 100216000620 ngày 26/11/2014, Container số

BMOU4535609, tại Chi cục H quan Cảng Sài Gòn khu vực 1. Sau khi hoàn tất thủ tục nhận Container a hóa BMOU4535609, thuộc Tờ khai H quan nhập khẩu số 100216000620 ngày 26/11/2014 của Công ty A, H liên hệ với người thanh niên tên T5 (tức Phan Huỳnh Anh T5), chuyên làm dịch vụ vận chuyển tại Cảng Cát Lái để chuyển Hàng về kho tại đường Cộng Hòa, người nhận Hàng do anh D cung cấp thông tin, là nhiều người khác nhau, hiện H không nhớ được tên của ai. H không nhớ C3 xác, việc thực hiện thủ tục cắt seal Container Hàng hóa BMOU4535609, thuộc tờ khai H quan số 100216000620 ngày 26/11/2014 của Công ty A, cũng như không biết ai đại diện cho Công ty A chứng kiến công chức H quan kiểm tra lô Hàng, do thời gian đã lâu và thực hiện nhận Container Hàng hóa của Công ty A nhiều lần tại Cảng Cát Lái theo yêu cầu dịch vụ của anh D. Không biết mặt người tên Bùi Thị Thu H, không biết người điều Hành, quản lý hoạt động Công ty A là ai.

Đào Văn D (nguyên nhân viên Công ty A) khai: D quen biết và làm thuê cho Ngô Duy C3, biết C3 là người chuyên kinh doanh nhập khẩu các loại máy móc từ nước ngoài về Việt Nam tiêu thụ và thuê nhiều người đứng tên giám đốc để thành lập nhiều doanh nghiệp, nhưng C3 chỉ đạo, điều Hành. C3 có thuê vợ chồng anh Phạm Quang C3 đứng tên làm Giám đốc Công ty H Phúc C3 và chị Bùi Thị Thu H làm Giám đốc Công ty A. Ông C3 thuê căn nhà tại số 137 Đường D, Phường H, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, để nhân viên đến làm việc theo sự điều Hành của C3. Ngoài D, còn có chị Phạm Thị H, anh Lê Đình T7 và Trịnh Văn H cùng một số người khác ra vào địa chỉ trên làm việc (nhưng không biết họ tên, do không tiếp xúc). Khoảng cuối năm 2015 đến nay, do không còn làm thuê cho ông C3, nên không nhớ cụ thể các công việc đã được ông C3 giao liên quan nhập khẩu Hàng hóa tại Cảng Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh của Công ty A, theo Tờ khai H quan số 100216000620 ngày 26/11/2014, Container số BMOU4535609, tại Cảng Sài Gòn khu vực 1, mà Cơ quan điều tra yêu cầu. Không đại diện cho Công ty A chứng kiến công chức H quan kiểm hóa lô Hàng, không biết ai niêm phong lô Hàng.

Lê Đình T5 (nguyên nhân viên Công ty A): Theo kết quả ủy thác Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thanh Hóa, lấy lời khai của T8: Khoảng năm 2014, T8 vào TP. Hồ Chí Minh học và ở nhờ nhà bác là Ngô Duy C3, được C3 nhờ đi giao một số giấy tờ cho các đơn vị, các hãng tàu, do thời gian đã lâu nên không nhớ được công việc cụ thể. Đồng thời, được anh họ là Trịnh Văn H, giao việc đi nhận lệnh giao Hàng từ các hãng tàu. Trong đó, có giao cho T8 Giấy giới thiệu của Công ty A do Bùi Thị Thu H ký để liên hệ hãng tàu SITC nhận Lệnh giao Hàng theo vận tải đơn Container số BMOU 4535609 và giao lại cho H tại cảng Cát Lái, T8 không biết Hàng hóa nhập khẩu là gì, không rõ việc kiểm hóa lô Hàng ai liên hệ hoặc thực hiện như thế nào, cũng không biết 02 cán bộ H quan tên Ngô Văn T, Nguyễn Thế A. Cũng không biết mặt người tên Bùi Thị Thu H, không biết người điều Hành, quản lý hoạt động Công ty A là ai.

Phạm Thị H (nguyên nhân viên Công ty A): khoảng năm 2013-2014, H làm việc cho Ngô Duy C3 tại địa chỉ số 137 đường D5, Phường 25, quận Bình Thạnh, là người chuyên điều Hành các hoạt động kinh doanh chuyên dịch vụ

nhập khẩu Hàng hóa cho một số doanh nghiệp tại địa chỉ trên. Đối với Container Hàng hóa số BMOU 4535609, của Công ty An, H thừa nhận đã nhận thông báo Hàng đến từ hãng tàu SITC Việt Nam. H báo lại cho C3 biết để điều động nhân viên liên hệ làm thủ tục nhận Container Hàng. Cùng làm việc cho ông C3 như H còn có Trịnh Văn H, Đào Văn Dũng, Lê Đình T8, những người này làm việc theo yêu cầu cho ông C3, cụ thể nội dung công việc như thế nào H không rõ. Đồng thời, chị H trình bày: có biết vợ chồng anh Phạm Quang C, chị Bùi Thị Thu H. Anh C đứng tên đại diện Công ty H Phúc C và chị Bùi Thị Thu H đứng tên giám đốc, đại diện Công ty TNHH HP X, thỉnh thoảng hai vợ chồng anh C đến địa chỉ số 137 D Đường D5, phường 25, quận Bình Thạnh để gặp ông C3 và ký giấy tờ, làm các việc với ông C3, nhưng không rõ nội dung cụ thể làm công việc gì.

Ngô Duy C3, hiện là bị can trong Trại giam Công an Thành phố Đà Nẵng khai: Trước khi bị Công an Thành phố Đà Nẵng bắt giữ về Hành vi buôn lậu, công việc của C3 là chuyên làm dịch vụ kinh doanh liên quan đến việc nhập khẩu Hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn thành các thủ tục dịch vụ trọn gói cho các doanh nghiệp, như khai báo Tờ khai H quan Hàng hóa nhập khẩu, liên hệ hãng tàu nhận lệnh giao Hàng, liên hệ H quan kiểm hóa Hàng hóa, liên hệ xe kéo Container ra khỏi cảng về các điểm theo yêu cầu của khách Hàng, hoàn tất dịch vụ nhập khẩu cho khách Hàng, nhận tiền phí dịch vụ. C3 có thuê một số nhân viên để tham gia làm các dịch vụ phát sinh nêu trên để liên hệ cơ quan H quan khai báo nhập khẩu Hàng hóa tại các cảng như cảng Cát Lái, Khánh Hội, ... Trong đó có nhân viên tên Lộc, tên Cường (không nhớ rõ họ tên), Dũng, Trịnh Văn H, Lê Đình T5 và H (không nhớ rõ), số tiền các nhân viên được hưởng tiền công theo tháng (khoảng vài triệu), do C3 trực tiếp thanh toán tiền mặt. Về địa điểm nhân viên làm việc: C3 thuê nhà nhiều nơi thuộc quận Bình Thạnh để ở và làm việc (hiện không nhớ rõ địa chỉ), chỉ nhớ 1 địa chỉ có đăng ký thường trú là số 48/12 Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Liên quan đến Container BMOU 4535609, của Công ty A do Bùi Thị Thu H làm giám đốc, C3 khai: không nhớ được các thông tin chi tiết liên quan đến Container BMOU 4535609, thuộc Tờ khai H quan số 100216000620, ngày 26/11/2014 của Công ty A, đến nay không thể nhớ được có nhận làm dịch vụ nhập khẩu hay không do đã lâu, cũng không lưu giấy tờ liên quan. C3 không thuê H đứng tên làm giám đốc Công ty A, không biết người có tên Bùi Thị Thu H và Phạm Quang C, không điều Hành hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp nêu trên.

Bà Lê Thị Phương L, Công chức H quan, Chi Cục H quan cảng Sài Gòn khu vực 1 khai: ngày 26/11/2014, được lãnh đạo Chi cục phân công nhận bộ hồ sơ Hàng hóa nhập khẩu tờ khai số 100216000620/A11 của Công ty A. Tờ khai được khai báo trên hệ thống H quan điện tử, hệ thống tự động tiếp nhận cấp số và phân luồng tờ khai. Sau khi tiếp nhận bộ hồ sơ giấy và tiến Hành kiểm tra, chị L thấy có đầy đủ chứng từ theo quy định, gồm: Hợp đồng, hóa đơn T8 mại, bảng kê chi tiết Hàng và vận đơn nên đã tiếp nhận và ghi nhận vào hệ thống theo quy định tại Thông tư 22/2014/TT-BTC và Quyết định 988/QĐ-TCHQ về quy trình thủ tục H quan điện tử, chuyển bộ hồ sơ đến khâu nghiệp vụ tiếp theo, để thực hiện quy trình nghiệp vụ tiếp theo của H quan.

Ông Ngô Văn T và Nguyễn Thế A, Công chức H quan Chi Cục H quan cửa khẩu cảng Sài Gòn KV1, được phân công kiểm hóa lô Hàng khai: ngày 26/11/2014, Lãnh đạo Chi cục phân công T cùng Thế A kiểm hóa Container số BMOU 4535609, theo Tờ khai số 100216000620 của Công ty A. Quy trình kiểm hóa, T và Thế A mang theo bộ hồ sơ khai báo H quan giấy xuống bãi kiểm hóa, kiểm tra thực tế tỷ lệ xác suất 10% Hàng hóa trong Container BMOU 4535609, tương đương với 15 mục Hàng pH kiểm tra. Quá trình kiểm tra đã đối chiếu số Seal trên Container đúng với số Seal trên vận đơn của hãng tàu, ông T yêu cầu chủ Hàng phối hợp với nhân viên cảng vụ cắt Seal mở cửa công Hàng, thực tế đã kiểm hóa 15 kiện Hàng hóa tại đầu Container, xác định đúng tên loại Hàng hóa như khai báo trên tờ khai giấy (tuy nhiên đến nay không nhớ được chi tiết tên loại Hàng đã kiểm tra). Sau khi kiểm hóa xong, đã giao lại Hàng hóa trong Container số BMOU 4535609 cho đại diện chủ Hàng để tự bảo quản; Khi hoàn tất bước kiểm hóa, T đã truy cập vào phần mềm chương trình VNACCS/VCIS, để cập nhật thông tin theo quy trình thủ tục H quan điện tử Hàng hóa nhập khẩu T8 mại, tại mục “ý kiến của công chức xử lý”.

Việc kiểm tra được tiến Hành tại bãi Container thuộc khu vực Cảng Cát Lái (do đã lâu nên không nhớ vị trí đặt Container, nhưng đại diện doanh nghiệp đã thực hiện đưa Container Hàng hóa xuống mặt đất để thực hiện kiểm hóa). Thời gian kiểm tra, được tiến Hành từ khoảng 17 giờ 00, ngày 26/11/2014 đến khoảng 17 giờ 15 cùng ngày kết thúc việc kiểm tra Hàng hóa thực tế. Ngoài Thế A và T, tham gia kiểm hóa còn có đại diện chủ Hàng Công ty A, theo thông tin trên giấy giới thiệu của doanh nghiệp. Quá trình kiểm tra thực tế liên quan đến Hàng hóa trong Container trên không phát hiện vi phạm, đã thực hiện kiểm hóa đúng theo Thông tư số 22/2014/TT-BTC ngày 14/02/2014, quy định thủ tục H quan điện tử đối với Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu T8 mại và Quyết định số 988/QĐ-TCHQ ngày 28/3/2014 của Tổng Cục H quan, số Hàng hóa do Cơ quan điều tra thu giữ trong container không đúng với Hàng hóa khi kiểm tra tại cảng.

Ông Đặng Hữu M khai: nghề nghiệp làm thợ điện, khoảng năm 2013, khi đang làm công trình tại đường Kha Vạn Cân, Thủ Đức, quen biết với người đàn ông tên Thành (không rõ họ tên, địa chỉ) rủ ông M kinh doanh chung nhập mặt Hàng đồ da về bán, ông M đồng ý tham gia. Ông T đã yêu cầu ông M cung cấp chứng minh nhân dân để đăng ký ông T lập Công ty A, Minh đứng tên làm giám đốc, được hưởng tiền công là 10.000.000đ/tháng. Mỗi lần nhận tiền công, ông

Ông T đưa xấp giấy trắng khổ A4 cho ông M ký tên theo hướng dẫn, không biết rõ công việc kinh doanh cụ thể. Ông M đã nhận tiền công được khoảng 03 tháng, do không am hiểu về pháp luật và sợ không đảm bảo mình bạch trong hoạt động của công ty, sau đó đã từ chối không đứng tên giám đốc Công ty A. Đối với hồ sơ Tờ khai Hàng hóa nhập khẩu đã thông quan do Cơ quan điều tra thu giữ được trong vụ án, M thừa nhận Hợp đồng, tài liệu có phần có chữ ký ghi tên Đặng Hữu M đúng là chữ ký do M ký ra. Tuy nhiên, M không biết về các thỏa thuận mua bán Hàng hóa, không rõ nguồn gốc, nội dung khai báo H quan, không rõ ai điều Hành Công ty A.

Ngày 21/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Tp. Hồ Chí Minh có văn bản gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đối với thông tin Công ty Tsubaki Internationnal, ông Baki làm Giám đốc có hay không có việc ký hợp đồng mua bán Hàng hóa liên quan trong vụ án, đã giao dịch với cá nhân nào, cách thức giao dịch, thanh toán. Đồng thời, cung cấp thông tin từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2014, đối tượng tên Ngô Duy C3 có liên hệ với Công ty để mua Hàng hóa không, cách thức trao đổi, loại Hàng hóa giao dịch, cách thức thanh toán, cung cấp các thông tin liên quan. Ngày 14/3/2013, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có văn bản số 844/VKSTC-V13 gửi Bộ tư pháp Nhật Bản hỗ trợ thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp nêu trên, nhưng đến nay vẫn chưa có thông tin hồi đáp.

Kết quả xác minh của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cục C01-Bộ Công an đề nghị hỗ trợ xác minh, thu thập tài liệu và lấy lời khai người liên quan thông qua tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế tại Nhật, tiến Hành một số nội dung theo yêu cầu, ngày 17/3/2023, Cục C01 có công văn số 1108/C01-P6 thông tin kết quả xác minh: Công ty TNHH Tsubaki Internationnal, ngày 12/9/2022 đã đổi tên ông T Công ty TNHH Tsubaki, địa chỉ số 1-6 Nakamachi, Moji-ku, ông T phố Kitakyushu, Nhật Bản, giám đốc đại diện là Chung Kim L, công ty còn có giám đốc khác tên Ikeda Yuko. Lĩnh vực kinh doanh: xuất nhập khẩu đồ gia dụng, máy móc xây dựng, máy móc nông nghiệp đã qua sử dụng. Công ty và Công ty A có quan hệ đối tác làm ăn với nhau, Công ty Tsubaki là bên xuất khẩu và Công ty A là bên nhập khẩu các loại máy giặt đã qua sử dụng. Công ty Tsubaki chưa ký bất cứ hợp đồng mua bán nào với Công ty A và cũng không biết đại diện Công ty A. Sau khi nhận đơn đặt Hàng của Công ty A thì chuẩn bị giấy tờ liên quan và làm thủ tục xuất khẩu bán 149 máy giặt đã qua sử dụng cho Công ty A với giá 2.091.960 yên Nhật. Công ty Tsubaki rà soát tài khoản nhưng chưa tìm thấy khoản tiền nào có giá trị như trên chuyển vào tài khoản Công ty vì lý do đơn Hàng này được đặt qua một khách Hàng trung gian.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Tp. Hồ Chí Minh đã có văn bản gửi Cục H quan Tp. Hồ Chí Minh và Chi cục H quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 cung cấp thông tin liên quan đến đơn vị, cá nhân cổng cảng đã kiểm tra đối chiếu seal trên container khác với hồ sơ H quan, nhưng vẫn cho xe đầu kéo vận chuyển container BMOU 4535609 ra khỏi cổng cảng, hiện vẫn chưa có kết quả trả lời.

Kết quả nhận dạng qua ảnh đối tượng Ngô Duy C3: bị can Bùi Thị Thu H

và các đối tượng liên quan là Phạm Thị H, Đào Văn D đều xác định hình ảnh của Ngô Duy C3 là người chỉ đạo thực hiện việc nhập khẩu Hàng hóa nêu trên về Việt Nam; Nhưng các đối tượng này không cung cấp được chứng từ, tài liệu thông tin khác liên quan đến việc C3 điều Hành hoạt động nhập khẩu liên quan đến container số BMOU4535609, thuộc tờ khai Hàng hóa nhập khẩu số 100216000620 ngày 26/11/2014.

Kết quả định giá tài sản số Hàng hóa vi phạm thu giữ: Ngày 06/5/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Tp. Hồ Chí Minh ra Quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự định giá tài sản đối với Hàng hóa vi phạm. Ngày 12/10/2015, Hội đồng định giá có Kết luận định giá tài sản số 7751/STC-HĐĐGTS-BVG xác định tổng trị giá Hàng hóa vi phạm của Công ty A nhập khẩu trong container số BMOU4535609 gồm máy giặt các loại đã qua sử dụng, tại thời điểm tháng 12/2014 là: 1.238.227.273 đồng (chưa bao gồm VAT 10%).

Kết quả giám định chữ ký của Bùi Thị Thu H, Giám đốc Công ty A: ngày 13/4/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Tp. Hồ Chí Minh ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký của Bùi Thị Thu H trên các tài liệu thu thập. Ngày 10/5/2016, Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Tp. Hồ Chí Minh kết luận xác định chữ ký giáp lai trên tài liệu cần giám định so với chữ ký tên Bùi Thị Thu H trên các tài liệu mẫu, do cùng một người ký ra.

Ngày 09/3/2017, tiến Hành trưng cầu Tổng cục H quan, Bộ Tài C3 giám định số tiền trốn thuế nhập khẩu, thuế GTGT của Công ty A phát sinh trong việc nhập khẩu 149 cái máy giặt các loại đã qua sử dụng (có danh sách Hàng hóa vi phạm kèm theo). Ngày 15/7/2017, Giám định viên đã có Kết luận giám định số tiền trốn thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với việc nhập khẩu 149 máy giặt các loại đã qua sử dụng, thuộc tờ khai H quan số 100216000620 ngày 26/11/2014, được xác định là 198.129.368đ, trong đó: thuế nhập khẩu 132.086.245đ, thuế GTGT: 66.043.123đ. Số tiền thuế Công ty đã nộp đối với tờ khai H quan trên là: 16.970.243đ, trong đó: thuế nhập khẩu: 3.027.555đ; thuế GTGT: 13.942.688đ. Như vậy, số tiền thuế Công ty A phải nộp nếu có đối với 149 cái máy giặt nhập khẩu là: 181.159.125đ, trong đó: thuế nhập khẩu: 129.058.690đ; thuế GTGT: 52.100.435đ. Giám định viên còn kết luận thêm: Do mặt Hàng máy giặt là Hàng đã qua sử dụng thuộc diện cấm nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 87/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013, do đó trong trường hợp không được phép nhập khẩu thì không phát sinh số tiền thuế phải nộp.

Vật chứng thu giữ: Gồm 149 máy giặt cũ các loại đã qua sử dụng, chi tiết theo Bảng thống kê tang vật, phương tiện vi phạm Hành C3 lập ngày 02/12/2014. Ngày 10/10/2022, Cơ quan điều tra đã có Lệnh nhập kho vật chứng, tuy nhiên, đại diện Phòng PC10 Công an Ông T phố HCM trả lời do số lượng vật chứng của vụ án quá nhiều mà diện tích kho chật hẹp không đủ chứa số lượng vật chứng trên, nên đề nghị tiếp tục gửi tại kho Sở Tài C3 Ông T phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Bùi Thị Thu H khai nhận Hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng thực tế bị cáo được ông Ngô Duy C3 thuê đứng tên đại diện theo pháp Luật của Công ty A và bị cáo đã ký vào các giấy tờ có liên quan đến hoạt động của Công ty A theo yêu cầu của ông C3 và được trả công 6.000.000 đồng/tháng, nhưng bị cáo không có gì để chứng minh, vì chỉ thỏa thuận miệng với ông C3. Trong phần tranh luận bị cáo đồng ý với lời bào chữa của Luật sư. Nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Ông T phó Hồ Chí Minh trong phần tranh luận, đã phân tích tính chất, mức độ, động cơ, vai trò phạm tội của bị cáo và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Bùi Thị Thu H về tội: “Buôn lậu”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo từ 10 năm đến 11 năm tù. Về vật chứng đề nghị tịch thu sung quỹ nH nước toàn bộ vật chứng thu giữ. Trong phần tranh luận đối đáp quan điểm bào chữa của Luật sư, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội và đề nghị xử phạt bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Thu H trình bày: đồng ý về tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Buôn lậu”. Tuy nhiên cần xem xét cho bị cáo về vai trò phạm tội chỉ là đồng phạm giúp sức, do thiếu hiểu biết pháp luật nên đã nhận làm người đại diện theo pháp luật cho Công ty Để nhận tiền công, được chứng minh qua lời khai của những người có liên quan cũng là người làm thuê cho ông Ngô Duy C3 khai nhận. Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo có nhân thân tốt phạm tội lần đầu, đã khai báo ông T khẩn, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh khó khăn là lao động C3 pH nuôi dưỡng mẹ già bệnh tật; bị cáo thuộc gia đình có công cách mạng. Vì vậy đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới khung hình phạt quy định và thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về quyết định, Hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Ông T phó Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Ông T phó Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có khiếu nại gì. Do đó, các quyết định, Hành vi tố tụng của Cơ quan, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị Thu H đã thừa nhận Hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa được xác định phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng, biên bản vi phạm Hành C3, vật chứng, kết

quả định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Bùi Thị Thu H đứng tên ông T lập Công ty TNHH HP X với tư cách là Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty. H sử dụng pháp nhân Công ty Để nhập khẩu Hàng hóa là máy giặt đã qua sử dụng từ thị trường Nhật Bản về Việt Nam tiêu thụ, loại Hàng hóa vi phạm thuộc diện cấm nhập khẩu (theo quy định tại Nghị định số 87/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của C3 phủ) nhưng không khai báo hoặc khai báo sai chủng loại, sai số lượng, Hàng hóa nhập khẩu không có giấy phép và không đủ điều kiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật, được chứng minh qua hồ sơ H quan lưu giữ. Cụ thể, vào lúc 0h50 phút, ngày 27/11/2014, Phòng Cảnh sát kinh tế phối hợp với Đội Cảnh sát giao thông Tân Sơn Nhất, Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Ông T phố Hồ Chí Minh kiểm tra xe đầu kéo biển số 51C-332.96, số rơ moóc 51R - 04972 do lái xe Phạm Văn H1 điều khiển đang vận chuyển container số BMOU4535609 có chứa Hàng hóa không có nguồn gốc, không xuất trình được chứng từ hợp lệ Hàng hóa gồm: 149 cái máy giặt gồm các nhãn hiệu Hatachi, National, Toshiba, Panasonic, Sanyo, Sharp đã qua sử dụng và không có mặt Hàng máy khâu, máy nén khí... như nội dung thể hiện trên Tờ khai nhập khẩu của chủ Hàng là Công ty Công ty TNHH HP X đã kê khai tại cơ quan H quan là Chi Cục H quan cửa khẩu cảng Sài Gòn KV 1. Tổng trị giá số Hàng hóa Bùi Thị Thu H vi phạm được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND Ông T phố Hồ Chí Minh kết luận có trị giá là 1.238.227.273 đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận: bị cáo Bùi Thị Thu H đã phạm vào tội “Buôn lậu” được quy định tại Điều 153 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên Viện kiểm sát căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội truy tố bị cáo theo qui định tại điểm a (*Vật phạm pháp trị giá từ 1.000.000.000 đồng trở lên*) khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến pháp luật của NH nước về buôn bán Hàng hóa qua biên giới, gây tác hại xấu đến sự ổn định và phát triển lành mạnh của nền kinh tế về xuất nhập khẩu Hàng hóa lưu thông trên thị trường. Bị cáo biết rõ Hành vi phạm tội của mình bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì vụ lợi bị cáo đã cố ý thực hiện, thể hiện bị cáo xem thường sự trừng phạt của pháp luật cần pH xử phạt nghiêm khắc.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; đã ông T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh khó khăn; thuộc gia đình có công cách mạng; căn cứ kết quả điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở xác định bị cáo có vai trò đồng phạm, tuy nhiên chưa đủ căn cứ xác định rõ người đồng phạm với bị cáo nên được áp dụng qui định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự

theo đề nghị của Viện kiểm sát để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6]. Từ những phân tích trên, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, động cơ, vai trò phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài, nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Trên đây cũng là nhận định của Hội đồng xét xử đối với Quyết định truy tố, phần luận tội và đề nghị xử phạt của đại diện Viện kiểm sát cũng như quan điểm bào chữa của Luật sư cho bị cáo tại phiên tòa.

[7]. Về xử lý vật chứng hiện đang tạm giữ:

Xét số Hàng hóa đang tạm giữ theo Lệnh nhập kho vật chứng ngày 02/12/2014 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Ông T phố Hồ Chí Minh là tài sản do bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8]. Căn cứ tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và qua tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy các công chức H quan Ngô Văn T, Nguyễn Thế A là người được phân công kiểm tra thực tế 10% Hàng hóa kê khai nhập khẩu, để hoàn tất thông quan qua hệ thống thông quan điện tử VCIS đối với container số BMOU4535609 do doanh nghiệp Bình A kê khai theo tờ khai H quan nhập khẩu là có dấu hiệu tội phạm. Tòa đã trả hồ sơ điều tra bổ sung làm rõ nhưng Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát vẫn xác định không đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự. Vì vậy, căn cứ giới hạn xét xử được quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử kiến nghị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Ông T phố Hồ Chí Minh xem xét theo thẩm quyền.

Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Thu H 09 (chín) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/6/2022.

- **Áp dụng** điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu sung ngân sách nH nước số tài sản gồm: số lượng mặt Hàng các loại được liệt kê theo Lệnh nhập kho vật chứng số 225-36 ngày 10/10/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Ông T phố Hồ Chí Minh được niêm phong lưu giữ tại kho Sở Tài C3 Ông T phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

STT	TÊN NHÃN HIỆU CHỦNG LOẠI TANG VẬT TẠM GIỮ	SỐ LƯỢNG	TÌNH TRẠNG
-----	--	----------	------------

1...	Máy giặt hiệu Hitachi	15 (cái)	Đã qua sử dụng
	BD V1; 7506739	01	
	BD V1 (N); 7513519	01	
	BD V1 (N); 7538433	01	
	BD V1 (N); 7500482	01	
	BD V1200L; 0001060	01	
	BD V2(H); 8512784	01	
	BD V2000; 8503019	01	
	BD V2100; 9006999	01	
	BD V2100L(C); 8002769	01	
	BD V2200; 0011237	01	
	BD V300(L); 0001287	01	
	BD V3100; 9008143	01	
	BD V3100L; 9019679	01	
	BD V3200; 0506871	01	
	BD V3200L; 0011397	01	
2...	Máy giặt hiệu National	36 (cái)	Đã qua sử dụng
	NA V62; 0773300236	01	
	NA V62; 713000082	01	
	NA V62; 722000312	01	
	NA V920L; 07N1300121	01	
	NA V920L; 0862C00069	01	
	NA V920R; 0841300192	01	
	NA VR1100; 741003671	01	
	NA VR1100; 733000074	01	
	NA VR1100; 0773301265	01	
	NA VR1100; 722002685	01	
	NA VR1100; 731004455	01	
	NA VR1100; 0772304907	01	
	NA VR1100; 722004672	01	
	NA VR1100; 742007015	01	
	NA VR1100; 0753301267	01	
	NA VR1100; 0783300754	01	
	NA VR1100; 742002165	01	
	NA VR1100; 732004665	01	
	NA VR1100; 0792303638	01	
	NA VR1100; 0773300151	01	
	NA VR1100; 733001146	01	
	NA VR1100R; 0793300509	01	
	NA VR1100R; 0763300487	01	
	NA VR1200L; 0861C02861	01	
	NA VR1200L; 0812300605	01	

	NA VR1200L; 0883B00754	01	
	NA VR1200L; 0842300197	01	
	NA VR1200L; 0812300829	01	
	NA VR1200L; 07D1302919	01	
	NA VR1200L; 07N3300491	01	
	NA VR2200L; 0882A00664	01	
	NA VR2200L; 0853A00002	01	
	NA VR2200L; 07N2300798	01	
	NA VR2200L; 0831300511	01	
	NA VR2200L; 07N2300802	01	
	NA VR2200R; 0883A00172	01	
3.	Máy giặt hiệu Toshiba	42(cái)	Đã qua sử dụng
	TW 170VD	04	
	TW 170VD; 240910MM	01	
	TW 170VD; 241051MM	01	
	TW 180VE	03	
	TW 180VE ; 144498YS	01	
	TW 180VE; 180722YM	01	
	TW 180VE; 118486WM	01	
	TW 180VE; 148946YS	01	
	TW 180VE; 178838YM	01	
	TW G500L; 118055WT	01	
	TW G500L; 130025WH	01	
	TW G500L; 114211WK	01	
	TW G500R; 908031WM	01	
	TW 200VF	01	
	TW 200VF; 534254RS	01	
	TW 200VF 506648YW	01	
	TW 500VFL	01	
	TW Q700; H15482YH	01	
	TW Q700; H15125YH	01	
	TW Q740R (S)	01	
	TW Q780L	01	
	TW Q780L; 708428WK	01	
	TW Q780L; 704320RZ	01	
	TW Q780L; 704074RZ	01	
	TW Q780L; 703873RZ	01	
	TW Q780L; 905105WH	01	
	TW Z8000L	01	
	TWZ9000R; 905072WN	01	
	TW Z9000L; 625085WY	01	
	TW 2000VC	01	

	TW 2100VER	01	
	TW 2100VER (S); G03599YT	01	
	TW 3000VER; F00798MG	01	
	TW 4000VFL; M06942YG	01	
	TW 4000VFL; M12595RN	01	
	TW 4000VFR; N05682RM	01	
	TW E418V; 614804YM	01	
4..	Máy giặt Panasonic	26(cái)	Đã qua sử dụng
	NA V1500RC; 08D1B00013	01	
	NA V1500L; 0953B01149	01	
	NA V1500L; 0961B00347	01	
	NA V1500L; 0981B00343	01	
	NA V1600L	01	
	NA VR2500L; 08D2A00163	01	
	NA VR2600L; 09D2B01304	01	
	NA VR2600L; 1052802122	01	
	NA VR2600L, 1051A00161	01	
	NA VX3000R; 1003B00337	01	
	NA VR3500L; 08N3B00667	01	
	NA VR3500L; 0892B01517	01	
	NA VR3600L; 0991A01026	01	
	NA VR 3600L; 1041B00516	01	
	NA VR5500R; 08D2A00612	01	
	NA VR5500L; 0981A00831	01	
	NA VR5500L; 0913A01306	01	
	NA VR5600L; 0992A01884		
	NA VR5600L; 0991 B01445		
	NA VR5600L; 09N2A00352		
	NA VR5600L; 1042A02121		
	NA VR5600L; 1052A02550		
	NA VR5600L; 09D1A01325		
	NA VR5600L; 09N2A01117		
	NA VR5600L; 0901 A01874		
	NA VR5600R; 1043A00434		
5..	Máy giặt hiệu Sanyo	17(cái)	Đã qua sử dụng
	AWD AQ53L(W); 200116	01	
	AWD AQ100(W); 203299	01	
	AWD AQ150R(W); 203982	01	
	AWD AQ350(W); 211383	01	
	AWD AQ350(W); 210838	01	
	AWD AQ2000R(W); 206569	01	
	AWD AQ2000R(W); 209641	01	

	AWD AQ2000(T); 305196	01	
	AWD AQ2000(W); 223742	01	
	AWD AQ3000(W); 309001	01	
	AWD AQ3000(W); 333909	01	
	AWD AQ3000(W); 329344	01	
	AWD AQ3000(W); 319924	01	
	AWD AQ3000R(W); 304710	01	
	AWD AQ4000(W); 224179	01	
	AWD AQ4000R(S); 300290	01	
	AWD AQ4500L(W); 315885	01	
6.	Máy giặt hiệu Sharp	13(cái)	Đã qua sử dụng
	ES V210AL; 1018281	01	
	ES V210AL; 1012266	01	
	ES V300C; 1108922	01	
	ES V300C; 1108152	01	
	ES V300W; 1022164	01	
	ES V300W; 1022956	01	
	ES V300W; 1005170	01	
	ES V510RL; 1200560	01	
	ES V510RL; 1200745	01	
	ES HG91F N; 1120380	01	
	ES HG92G B; 120834	01	
	ES HG92G B; 1200901	01	
	ES HG92G B; 1212273	01	

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 225-36 ngày 10/10/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Ông T phố Hồ Chí Minh, công văn số 14684/CTHADS-KHTC ngày 24/8/2023 của cục Thi Hành án dân sự ông T phố Hồ Chí Minh).

- Bị cáo Bùi Thị Thu H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại tạm giam; (1)
- Bị cáo, luật sư; (3)
- Người liên quan (2)
- THA HS; (1)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (19) (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trực